

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2025/DS-ST

Ngày: 10 – 9 – 2025

*“V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Phương.

2. Bà Đào Đức Cẩm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2025 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ: Số nhà A N, phường B, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lam T, sinh năm 1997, chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S có ngay (Văn bản ủy quyền ngày 01/02/2025) (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số D L, phường P, thành phố Cần Thơ.

*** Bị đơn:** Ông Võ Nhứt T1, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, phường V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/02/2025 của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của người đại diện do nguyên đơn ủy quyền ông Nguyễn Lam T trình bày:

Vào ngày 20/8/2024, Công ty Cổ phần S Có Ngay (gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng cầm cố với ông Võ Nhứt T1; theo Hợp đồng thì ông T1 cầm cố cho Công ty A chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 83P3-232.90, hiệu Honda, loại Vario 150 màu: Trắng đen, số khung MH1KF1124KH144559, số máy KF11E2140821 đứng tên Võ Nhứt T1 và vay số tiền là 11.861.702đ (mười một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm lẻ hai đồng), thời hạn cầm cố là 6 tháng, mục đích sử dụng tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng; mỗi tháng trả vốn lãi theo quy định. Ngoài ra, có quy định các loại phí, lãi suất theo quy định của hợp đồng cầm cố. Cùng ngày 20/8/2024, do nhu cầu sử dụng xe phục vụ cho công việc hàng ngày nên ông T1 có ký đơn xin mượn lại xe để đi lại, thời gian mượn xe từ ngày 20/8/2024 đến ngày 20/02/2025; Công ty đồng ý cho ông T1 mượn xe theo nguyện vọng và ông T1 cam kết thực hiện đúng quy định.

Tuy nhiên, kể từ ngày ký Hợp đồng cầm cố và mượn xe cho đến nay, ông T1 chỉ trả cho Công ty được 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và ngưng thanh toán tiếp.

Tại đơn khởi kiện, Công ty yêu cầu ông T1 trả nợ vốn, lãi, lãi quá hạn đến ngày 10/9/2025; các khoản phí theo hợp đồng; yêu cầu xử lý tài sản cầm cố và yêu cầu tính lãi tiếp theo. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi tiếp theo kể từ ngày 11/9/2025. Ngoài ra, Công ty xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản phí khác theo yêu cầu khởi kiện ban đầu gồm phí mượn xe là 3.138.606đ (ba triệu một trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng), phí quản lý hồ sơ 253.789đ (hai trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 828.698đ (tám trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng), phí trả chậm là 591.598đ (năm trăm chín mươi một nghìn năm trăm chín mươi tám đồng); Rút yêu cầu xử lý tài sản cầm cố.

Nay, Công ty yêu cầu ông T1 phải thanh toán hợp đồng, trả cho Công ty số nợ đến ngày 10/9/2025 tổng cộng là 12.062.221đ (mười hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi một đồng), trong đó vốn gốc là 10.358.728đ (mười triệu

ba trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng), lãi trong hạn là 569.730đ (năm trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi đồng), lãi quá hạn là 1.133.763đ (một triệu một trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng). Ngoài ra, nếu ông T1 không trả nợ thì yêu cầu Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 khi Công ty yêu cầu Thi hành án.

- *Bị đơn ông Võ Nhứt T1 trình bày:* Đúng là vào ngày 20/8/2024 ông Võ Nhứt T1 đến Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty) – Chi nhánh T2 để Cầm cố chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 83P3-232.90, hiệu Honda, loại Vario 150 màu: Trắng đen, số khung MH1KF1124KH144559, số máy KF11E2140821 đứng tên Võ Nhứt T1 để vay số tiền gốc là 11.861.702đ (mười một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm lẻ hai đồng), thời hạn cầm cố là 6 tháng, mục đích sử dụng tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng; mỗi tháng trả vốn lãi theo quy định. Ngoài ra, có quy định các loại phí, lãi suất theo quy định của hợp đồng cầm cố. Cùng ngày 20/8/2024, do nhu cầu sử dụng xe phục vụ cho công việc hàng ngày nên ông T1 có ký đơn xin mượn lại xe để đi lại, thời gian mượn xe từ ngày 20/8/2024 đến ngày 20/02/2025; Công ty đồng ý cho ông T1 mượn xe theo nguyện vọng và ông T1 cam kết thực hiện đúng quy định.

Do làm ăn khó khăn nên ông T1 chỉ trả được cho Công ty có 1 đợt nợ là 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Hiện còn nợ gốc là 10.358.728đ (mười triệu ba trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng) và các khoản lãi, khoản phí theo quy định của Công ty đúng như người đại diện của Công ty trình bày.

Nay, Công ty tính nợ đến ngày 10/9/2025 tổng cộng là 12.062.221đ (mười hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi một đồng), trong đó vốn gốc là 10.358.728đ (mười triệu ba trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng), lãi trong hạn là 569.730đ (năm trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi đồng), lãi quá hạn là 1.133.763đ (một triệu một trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng), ông T1 thống nhất. Ông T1 xin Công ty gia hạn cho ông trả hàng tháng cho đến khi dứt nợ

Đối với chiếc xe cầm cố nêu trên hiện nay ông T1 đang sử dụng nên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Công ty yêu cầu ông Võ Nhứt T1 trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay tài sản mà ông Võ Nhứt T1 ký kết nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Võ Nhứt T1 cư trú tại ấp Đ, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố Cần Thơ) nên Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Lam T có đơn xin giải quyết vắng mặt, tại đơn xin giải quyết vắng mặt, ông T đã trình bày rõ yêu cầu của mình và chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[3]. Tại Đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc chỉ yêu cầu bị đơn ông Võ Nhứt T1 phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty tính đến ngày 10/9/2025 tổng cộng là 12.062.221đ (mười hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi một đồng), trong đó vốn gốc là 10.358.728đ (mười triệu ba trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng), lãi trong hạn là 569.730đ (năm trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi đồng), lãi quá hạn là 1.133.763đ (một triệu một trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng); không yêu cầu lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 11/9/2025. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Tại Đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu phát mãi tài sản là xe mô tô biển số kiểm soát 83P3-232.90, hiệu Honda, loại Vario 150 màu: Trắng đen, số khung MH1KF1124KH144559, số máy KF11E2140821 đứng tên Võ Nhứt T1; rút lại yêu cầu về khoản phí khác theo yêu cầu khởi kiện ban đầu gồm phí

mượn xe là 3.138.606đ (ba triệu một trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng), phí quản lý hồ sơ 253.789đ (hai trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 828.698đ (tám trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng), phí trả chậm là 591.598đ (năm trăm chín mươi một nghìn năm trăm chín mươi tám đồng). Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự và đình chỉ giải quyết đối với những yêu cầu đã rút trên của nguyên đơn.

[5]. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Võ Nhứt T1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 10.358.728đ (mười triệu ba trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng), Hội đồng xét xử thấy rằng: Để chứng minh cho việc bị đơn ông Võ Nhứt T1 có vay vốn, Công ty cung cấp cho Tòa án chứng cứ là Phiếu đăng ký cầm cố tài sản số: BAM240801023NA17X được ký giữa các bên ngày 20/8/2024 và Công ty đã giải ngân số tiền 11.861.702đ (mười một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm lẻ hai đồng) theo Phiếu chi ngày 20/8/2024 cho ông Võ Nhứt T1 nhận trực tiếp. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời, tại phiên tòa, bị đơn Võ Nhứt T1 thừa nhận đúng là ông T1 có ký Hợp đồng cầm cố và có vay số tiền vốn đúng như nguyên đơn trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định ông T1 đã vay và nhận đủ của Công ty số tiền là 11.861.702đ (mười một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm lẻ hai đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 10/9/2025 thì ông T1 chỉ trả cho Công ty được một phần vốn gốc và lãi, hiện còn nợ Công ty tiền vốn gốc 10.358.728đ (mười triệu ba trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng), từ đó đến nay ông T1 không trả tiền gốc và lãi cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ theo giao kết trong hợp đồng, ông T1 là người có lỗi. Vì vậy, việc nguyên đơn Công ty yêu cầu bị đơn ông T1 phải trả cho Công ty số tiền vay gốc còn nợ 10.358.728đ (mười triệu ba trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng) là phù hợp theo quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Phiếu đăng ký cầm cố tài sản số: BAM240801023NA17X được ký giữa các bên ngày

20/8/2024 giữa Công ty và ông T1 đã giao kết mức lãi suất là 1,1%/tháng; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Do đó, mức lãi suất của hợp đồng các bên đã ký kết là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã giao kết. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, ông T1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền lãi theo giao kết của hợp đồng đến ngày 10/9/2025 với số tiền lãi trong hạn là 569.730đ (năm trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi đồng) và lãi quá hạn là 1.133.763đ (một triệu một trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng) là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc lãi, chuyển nợ quá hạn tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bị đơn ông Võ Nhứt T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay đến ngày 10/9/2025 tổng cộng là 12.062.221đ (mười hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi một đồng), trong đó vốn gốc là 10.358.728đ (mười triệu ba trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng), lãi trong hạn là 569.730đ (năm trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi đồng), lãi quá hạn là 1.133.763đ (một triệu một trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty có đơn yêu cầu thi hành án, ông T1 còn phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[7]. Tại Đơn xin giải quyết vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày khi ông T1 thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi sẽ giao trả lại cho ông T1 bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 132997 do Công an tỉnh S cấp ngày 09/9/2017 đối với xe mô tô biển kiểm soát 83P3-232.90, hiệu Honda, loại Vario 150 màu: Trắng đen, số khung MH1KF1124KH144559, số máy KF11E2140821 đứng tên Võ Nhứt T1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Võ Nhứt T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay đối với bị đơn ông Võ Nhứt T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn ông Võ Nhứt T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/9/2025 tổng cộng là 12.062.221đ (mười hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi một đồng), trong đó vốn gốc là 10.358.728đ (mười triệu ba trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng), lãi trong hạn là 569.730đ (năm trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi đồng), lãi quá hạn là 1.133.763đ (một triệu một trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty có đơn yêu cầu thi hành án, ông T1 còn phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngay sau khi ông Võ Nhứt T1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho ông T1 bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 132997 do Công an tỉnh S cấp ngày 09/9/2017 đối với xe mô tô biển kiểm soát 83P3-232.90, hiệu Honda, loại Vario 150 màu: Trắng đen, số khung MH1KF1124KH144559, số máy KF11E2140821 đứng tên Võ Nhứt T1.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản là xe mô tô biển kiểm soát 83P3-232.90, hiệu Honda, loại Vario 150 màu: Trắng đen, số khung MH1KF1124KH144559, số máy KF11E2140821 đứng tên Võ

Nhứt T1; các khoản phí gồm phí mượn xe là 3.138.606đ (ba triệu một trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng), phí quản lý hồ sơ 253.789đ (hai trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 828.698đ (tám trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng), phí trả chậm là 591.598đ (năm trăm chín mươi một nghìn năm trăm chín mươi tám đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Võ Nhứt T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 603.111đ (sáu trăm lẻ ba nghìn một trăm mười một đồng).

Nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí là 415.000đ (bốn trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002429, ngày 17/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ).

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn Võ Nhứt T1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hiếu